

HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH PHÁP LÝ VỀ TỘI KHỦNG BỐ TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015

BÙI ĐÌNH TRỌNG*

Bài viết phân tích một số vướng mắc, bất cập trong quy định về tội danh khủng bố quy định tại Điều 299 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS năm 2015). Từ đó, đưa ra các phương hướng cụ thể nhằm góp phần hoàn thiện quy định pháp luật về tội danh này trong BLHS và nâng cao nhận thức của người có thẩm quyền trong công tác áp dụng pháp luật tại các giai đoạn tiến hành tố tụng.

Từ khóa: Khủng bố, tội khủng bố, Bộ luật hình sự.

Ngày nhận bài: 20/4/2021; Biên tập xong: 20/4/2021; Duyệt đăng: 24/4/2021

This article analyzes some shortcomings in the crime of terrorism specified under Article 299 of the 2015 Penal Code (amended and supplemented in 2017). From there, specific directions to complete legal provisions on this crime and raise awareness of competent persons in criminal proceedings are set out.

Keywords: Terrorism, crime of terrorism, the Penal Code.

1. Quy định của Bộ luật hình sự về tội khủng bố

Khủng bố - nguy cơ, mối đe dọa hiện hữu đối với cuộc sống ổn định của con người, an ninh của mọi quốc gia, cũng như sự bảo tồn và phát triển nền văn minh nhân loại trong thế kỉ XXI¹. Vì vậy, “nội luật hóa” các quy định của pháp luật quốc tế cũng như tích cực tham gia hợp tác quốc tế trở thành xu thế tất yếu của tất cả các quốc gia trong lĩnh vực phòng, chống khủng bố.

Tại Việt Nam, việc ghi nhận tội khủng bố với mục đích gây ra tình trạng hoảng sợ trong công chúng, được quy định lần đầu tiên tại Điều 230a BLHS năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (BLHS năm 2009). Trước những thách thức, yêu cầu mới về hoàn thiện hệ thống pháp luật trong công tác đấu tranh phòng, chống khủng bố, ngày 27/11/2015 tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII, BLHS năm 2015 đã được thông qua với nhiều điểm mới trên cơ sở kế thừa và phát huy quy định tại Điều 230a BLHS năm 2009. Tội khủng bố quy định tại Điều 299

BLHS năm 2015 đã quy định cụ thể, rõ ràng hơn về từng nhóm hành vi và đã bổ sung thêm khoản 4 với quy định “*người chuẩn bị phạm tội bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm*”. Ngoài ra, hình phạt của tội khủng bố quy định tại Điều 299 BLHS năm 2015 cũng đã tăng nặng hơn so với mức quy định tại Điều 230a BLHS năm 2009.

Các yếu tố cấu thành tội khủng bố được thể hiện thông qua một số nội dung sau:

Khách thể: Tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng; xâm phạm quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, tự do thân thể, sức khỏe của công dân và tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Mật khách quan: Hành vi xâm phạm tính mạng người khác hoặc phá hủy tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1. Hành vi đe dọa xâm phạm tính mạng người khác, phá hủy tài sản của cơ quan, tổ chức cá nhân hoặc có những hành vi uy hiếp tinh thần khác quy định tại khoản 3. Nhóm hành vi quy định tại khoản 2 gồm thành lập, tham gia tổ chức khủng bố, tổ chức tài trợ khủng bố; cưỡng ép, lôi kéo, tuyển mộ, đào tạo, huấn luyện phân tử khủng bố; chế tạo, cung cấp vũ khí cho phân tử khủng bố; xâm phạm tự do thân thể, sức khỏe hoặc chiếm giữ, làm hư hại tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân; tấn công,

¹ Правовая основа борьбы с экстремизмом и терроризмом (Cơ sở pháp lý nhằm chống chủ nghĩa cực đoan và khủng bố). Nguồn truy cập: <https://cao.mos.ru/countering-extremism/the-legal-basis-of-the-fight-against-extremism-and-terrorism/?fbclid=IwAR1EDzf-a3puECyvbJmXBcb64hAU1dC2X5Nd1jmwIPKZItMm67qJJU3oFjM>.

* *Thượng úy, Giảng viên Khoa Nghiệp vụ cơ bản, Học viện An ninh nhân dân*

xâm hại, cản trở, gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử của cơ quan, tổ chức cá nhân.

Mặt chủ quan: Tội phạm được thực hiện dưới hình thức lỗi cố ý. Dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm của tội khủng bố là mục đích gây ra tình trạng hoảng sợ trong công chúng của người phạm tội.

Chủ thể: Là bất cứ người nào có năng lực trách nhiệm hình sự và từ đủ 14 tuổi trở lên. Tuy nhiên, tại trường hợp khoản 3 của Điều 299 BLHS năm 2015, chủ thể của tội phạm này là bất cứ người nào có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và từ đủ 16 tuổi trở lên.

2. Một số vướng mắc, bất cập khi áp dụng tội danh khủng bố

Mặc dù không thể phủ nhận những cố gắng về mặt lập pháp nhưng “nội dung quy định trong cấu thành của một số tội phạm, trong đó có cả tội khủng bố còn có một số bất cập, khó khăn chứng minh trên thực tế, gây không ít trở ngại cho công tác điều tra, xử lý, thậm chí là để lọt tội phạm”². Cụ thể là:

Thứ nhất, về kỹ thuật lập pháp

Wướng mắc, bất cập này thể hiện rõ trong việc thiết kế mô hình cấu thành của tội phạm và dấu hiệu mục đích của tội phạm.

Đối với việc thiết kế mô hình cấu thành của tội phạm: Tội khủng bố quy định tại Điều 299 BLHS năm 2015 thiên về liệt kê một loạt các hành vi nguy hiểm cho xã hội tác động đến các đối tượng hơn là khái quát hóa các hành vi khủng bố, dẫn tới khó khăn trong giải thích luật và khó chứng minh trên thực tế.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 299 BLHS năm 2015, “người khác – con người”, “tài sản” là đối tượng tác động (khách thể của tội phạm) nhưng khoản 2, 3 lại không nêu ra đối tượng tác động cụ thể mà chỉ nêu “Phạm tội trong trường hợp...”. Cách quy định như vậy có thể dẫn tới suy luận chủ quan cho rằng đối tượng tác động quy định tại khoản 1 cũng là đối tượng tác động của tội phạm quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 299. Tuy nhiên, suy luận này mang tính khiên cưỡng và thiếu chính xác, bởi nếu suy luận như vậy thì quy định tại khoản

1 Điều 299 sẽ là cấu thành tội phạm (CTTP) cơ bản, quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 là CTTP giảm nhẹ và để phạm tội quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 thì trước hết phải thỏa mãn quy định tại khoản 1 Điều 299.

Nghiên cứu quy định tại Điều 299 chỉ ra rằng, những hành vi liệt kê tại điểm a, b và điểm c khoản 2 không thống nhất với mô tả về mặt khách quan với hành vi quy định tại khoản 1. Bởi lẽ, hành vi “thành lập, tham gia tổ chức khủng bố, tổ chức tài trợ khủng bố”; “cưỡng ép, lôi kéo, tuyển mộ, đào tạo, huấn luyện phần tử khủng bố; chế tạo, cung cấp vũ khí cho phần tử khủng bố” và hành vi “tấn công, xâm hại, cản trở, gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử của cơ quan, tổ chức, cá nhân” nếu có được thực hiện (thường là bí mật) thì chưa thể gây ra tình trạng hoảng sợ trong công chúng hoặc chưa thể trực tiếp xâm phạm tính mạng, sức khỏe của người khác. Nếu coi đây là một loại hành vi khách quan, độc lập với hành vi gây hoảng sợ trong công chúng... thì lại không phù hợp vì trong một điều luật không thể có hai mô tả về cấu thành cơ bản của tội phạm³. Điều này cho thấy quy định tại khoản 2 và khoản 3 hoàn toàn độc lập với quy định tại khoản 1 và không chứa đựng dấu hiệu định tội quy định tại khoản 1 Điều 299. Do đó, không thể coi khoản 1 là CTTP cơ bản và khoản 2, khoản 3 là CTTP giảm nhẹ. Mặc dù, hiện nay Việt Nam chưa ghi nhận một trường hợp nào liên quan đến tội khủng bố nhưng với những tồn tại như trên, nếu không có sự khắc phục kịp thời sẽ gây ra rất nhiều khó khăn cho các cơ quan tư pháp trong thời gian tới.

Đối với dấu hiệu mục đích của tội khủng bố, mục đích gây ra “tình trạng hoảng sợ trong công chúng” là dấu hiệu “bắt buộc” trong CTTP của tội khủng bố. Tình trạng hoảng sợ trong công chúng quy định tại khoản 1 Điều 299 được hiểu là “trạng thái tâm lý lo lắng, sợ hãi, hoang mang của người dân về an toàn tính mạng, sức khỏe, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của họ”⁴.

³ Phạm Thái Sơn (2020), Luận văn Thạc sĩ: “Các tội phạm về khủng bố trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 2015”, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, tr 57.

⁴ Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐTP ngày 25/10/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Về hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 299 và Điều 300 của Bộ luật hình sự”.

² Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Chính phủ (2009), “Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự”, Đặc san tuyên truyền pháp luật, số 07, Hà Nội, tr 13-15.

Tuy vậy, tham khảo kinh nghiệm lập pháp của Liên bang Nga cho thấy, dấu hiệu “gây ra hoảng sợ của công chúng” cùng với dấu hiệu “gây nguy hiểm chết người, gây thiệt hại đáng kể về tài sản hoặc các hậu quả nghiêm trọng khác” quy định tại Điều 205 BLHS Liên bang Nga chỉ được xem như là mục đích ban đầu (mục đích trung gian) của những kẻ khủng bố để qua đó đạt được mục đích cuối cùng⁵. Hay nói cách khác, “gây ra hoảng sợ của công chúng” không phải là mục đích cuối cùng mà các đối tượng khủng bố hướng tới thông qua việc thực hiện hành vi khủng bố. Do đó, tại Điều 205 BLHS Liên bang Nga, Nghị quyết số 41 ngày 03/11/2016 của Hội đồng Tòa án tối cao Liên bang “Về sửa đổi Nghị quyết số 1 ngày 09/02/2012 của Hội đồng Tòa án tối cao Liên bang Nga về một số vấn đề thực tiễn tư pháp trong các vụ án hình sự về các tội phạm khủng bố”⁶ và Luật liên bang số 35 ngày 06/3/2006 về “Chống khủng bố”⁷ của Liên bang Nga xác định mục đích cuối cùng của việc thực hiện các hành vi khủng bố được xác định là “gây ra tình trạng mất ổn định trong hoạt động của các cơ quan chính quyền hoặc tổ chức quốc tế hoặc tác động đến việc đưa ra quyết định của các cơ quan chính quyền hoặc tổ chức quốc tế”. Vì vậy, tác giả cho rằng cần phải nghiên cứu sửa đổi, quy định của Điều 299 BLHS năm 2015 khi đề cập đến dấu hiệu, mục đích của tội khủng bố.

⁵ Уголовный кодекс Российской Федерации» от 13.06.1996 N 63-ФЗ (ред. от 24.02.2021, с изм. От 08.04.2021 (Bộ luật hình sự Liên bang Nga ngày 13/6/1996 số 63-FZ – sửa đổi ngày 24/02/2021, chính sửa ngày 08/4/2021). Nguồn truy cập: http://www.consultant.ru/document/cons_doc_LAW_10699/.

⁶ Постановление Пленума Верховного Суда РФ от 09.02.2012 N 1 (ред. от 03.11.2016) «О некоторых вопросах судебной практики по уголовным делам о преступлениях террористической направленности». (Nghị quyết số 1 ngày 09/02/2012 của Hội đồng Tòa án tối cao Liên bang Nga – sửa đổi ngày 03/11/2016 Về một số vấn đề thực tiễn tư pháp trong các vụ án hình sự về các tội phạm khủng bố). Nguồn truy cập: http://www.consultant.ru/document/cons_doc_LAW_125957/.

⁷ Федеральный закон «О противодействии терроризму» от 06.03.2006 N 35-ФЗ (Luật chống khủng bố ngày 06/3/2006 số 35-FZ của Liên bang Nga). Nguồn truy cập: http://www.consultant.ru/document/cons_doc_LAW_58840/.

Thứ hai, về sử dụng thuật ngữ pháp lý

“Người khác” là thuật ngữ pháp lý được đề cập tại khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 299, cùng với các thuật ngữ “cơ quan, tổ chức, cá nhân” được sử dụng để chỉ đối tượng tác động của tội phạm. Cho đến nay, chưa có văn bản quy phạm pháp luật chính thức nào giải thích về thuật ngữ “người khác”, ngay cả Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐTP ban hành ngày 25/10/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về “Hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 299 và Điều 300 của Bộ luật hình sự” (Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐTP) cũng không giải thích về thuật ngữ này. Điều đó có thể dẫn tới những suy luận chủ quan, không có cơ sở về đối tượng tác động của tội phạm khủng bố, tạo ra khó khăn không cần thiết cho hoạt động áp dụng pháp luật.

Thứ ba, về sự mô tả hành vi nguy hiểm cho xã hội

Nghiên cứu về các hành vi nguy hiểm quy định tại Điều 299 cho thấy tội khủng bố được quy định bằng cách liệt kê một loạt các hành vi nguy hiểm cho xã hội. Việc liệt kê một loạt các hành vi nguy hiểm cho xã hội như vậy là cụ thể, chi tiết, tạo cơ sở pháp lý để xử lý nghiêm khắc về nhiều tội phạm nhưng lại chưa phản ánh đầy đủ các hành vi nguy hiểm cho xã hội của chủ thể thực hiện hành vi phạm tội. Nhóm hành vi quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 299 vẫn chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu của thực tiễn đấu tranh chống tội phạm. Việc bổ sung các nhóm hành vi nêu trên mới chỉ tạo ra cơ sở pháp lý để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với nhóm các hành vi này mà chưa tạo ra cơ sở pháp lý để đấu tranh với các hành vi khủng bố khác như hành vi kêu gọi công khai thực hiện hành vi khủng bố; biện minh công khai hoặc tuyên truyền chủ nghĩa khủng bố; tổ chức và tham gia vào hoạt động của cộng đồng khủng bố; tổ chức và tham gia vào nhóm vũ trang bất hợp pháp...⁸. Điểm a khoản 2 Điều 299 đề cập tới hành vi “thành lập, tham gia tổ chức khủng bố, tổ chức tài trợ khủng bố”, đồng thời hành vi này cũng được quy định tại Điều 300 (Tội tài trợ khủng bố). Đây là sự không thống nhất về cùng một loại

⁸ Đỗ Khắc Hoàng (2015), Luận án Tiến sĩ: “Các tội phạm về khủng bố trong luật hình sự Việt Nam”, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội, tr 112-113.

hành vi vì tài trợ khủng bố có thể thực hiện dưới danh nghĩa cá nhân, nhóm người hoặc tổ chức tiến hành và nếu do tổ chức tiến hành thì phải có bước thành lập, tham gia.

Thứ tư, về sự mô tả hành vi nguy hiểm cho xã hội giữa tội khủng bố với một số tội phạm khác quy định trong BLHS năm 2015

Đối chiếu, so sánh quy định pháp lý hình sự tại Điều 299 và Điều 113 cho thấy sự chồng chéo trong quy định về hành vi nguy hiểm cho xã hội giữa hai tội phạm này. Cụ thể, hành vi “xâm phạm tính mạng của người khác hoặc phá hủy tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân” tại khoản 1 Điều 299 trùng với hành vi tại khoản 1 Điều 113; hành vi quy định tại điểm a, b, d khoản 2 Điều 299 trùng với hành vi quy định tại điểm a, b, d khoản 2 Điều 113; hành vi “xâm phạm tự do thân thể, sức khỏe hoặc chiếm giữ, làm hư hại tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân” được quy định không chỉ tại điểm c khoản 2 Điều 299 mà còn được quy định cả tại điểm c khoản 2 Điều 113; hành vi “đe dọa xâm phạm tính mạng, đe dọa phá hủy tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc có hành vi uy hiếp tinh thần” quy định tại khoản 3 Điều 299 trùng với hành vi quy định tại khoản 3 Điều 299.

Bên cạnh đó, cũng tồn tại sự lặp lại về hành vi nguy hiểm cho xã hội giữa tội khủng bố với tội giết người (Điều 123); tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 134); tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật (Điều 157). Thực chất, hành vi xâm phạm tính mạng của con người trong tội khủng bố có cùng bản chất, nội dung, hình thức thể hiện với hành vi nguy hiểm của tội giết người. Hành vi xâm phạm đến tự do thân thể, sức khỏe quy định tại điểm c khoản 2 Điều 299 trùng lặp với hành vi quy định về nguy hiểm cho xã hội của tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác và tội bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật.

3. Khuyến nghị hoàn thiện nội dung quy định về tội khủng bố trong Bộ luật hình sự năm 2015

Từ những vướng mắc, bất cập nêu trên, tác giả cho rằng để hoàn thiện quy định pháp lý tại Điều 299 BLHS năm 2015 cần:

Một là, sửa đổi, quy định rõ dấu hiệu mục đích của tội khủng bố

Hiện nay, trong cấu thành tội phạm của tội khủng bố, “trạng thái tâm lý lo lắng của người dân về sự an toàn tính mạng, sức khỏe, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của họ” là dấu hiệu cho phép phân biệt tội khủng bố với tội khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân quy định tại Điều 113 BLHS năm 2015 và với các tội cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, tự do thân thể cũng như các tội cố ý xâm phạm sở hữu⁹. Đồng thời, đây cũng là dấu hiệu bắt buộc trong CTTP của tội khủng bố. Sở dĩ như vậy bởi trong BLHS có hai tội danh là khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân (Điều 113) và tội khủng bố (Điều 299). Trong khi đó, hầu hết các quốc gia trên thế giới chỉ quy định một tội danh “Tội khủng bố” duy nhất trong BLHS của quốc gia mình¹⁰.

Theo quy định của luật pháp quốc tế cũng như pháp luật của một số quốc gia trên thế giới, các đối tượng khủng bố thường thực hiện những hành vi đặc biệt nguy hiểm có khả năng gây thương vong lớn cho người dân như đánh bom, mìn, gây cháy, nổ,... để gây ra tình trạng hoảng sợ trong dân chúng, qua đó tác động, đưa ra yêu sách đối với chính quyền, tổ chức quốc tế thực hiện hoặc không thực hiện yêu sách của chúng¹¹. Cụ thể như: Khoản 1 Điều 1 Công ước quốc tế về chống bắt cóc con tin quy định “người nào bắt giữ hoặc giam cầm và đe dọa giết, làm bị thương hoặc tiếp tục giam cầm người khác nhằm mục đích cưỡng ép bên thứ ba, cụ thể là một quốc gia, một tổ chức quốc tế liên chính phủ, một pháp nhân hoặc một thể nhân hoặc một nhóm người phải làm hoặc không làm một việc nào đó như một điều kiện rõ ràng hoặc ngầm hiểu để phóng thích con tin, thì bị coi là phạm tội bắt con tin”; điểm b khoản 1 Điều 2 Công ước quốc tế

⁹ Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐTP ngày 25/10/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Về hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 299 và Điều 300 của Bộ luật hình sự”.

¹⁰ Дорофеев Никита Александрович (2019), Магистерская диссертация: Уголовная ответственность за террористический акт, Кафедра уголовного права и криминологии, Институт - Алтайский государственный университет, Барнаул, С 91, стр 13-18 (Dorofeev Nikita Alexsandovich (2019), *Luận văn Thạc sĩ: Trách nhiệm hình sự đối với hành vi khủng bố*, Bộ môn Luật hình sự và Tội phạm học, Đại học Tổng hợp Quốc gia Altai, Thành phố Barnaul, tr. 13-18).

¹¹ Đỗ Khắc Hoàng (2015), tldđ, tr66.

về trấn áp hành vi tài trợ cho khủng bố quy định “Hành vi khác với ý định giết hại hoặc làm bị thương nặng thường dân, hoặc người khác không tham gia tích cực vào hoạt động thù địch trong hoàn cảnh có xung đột vũ trang khi xét về bản chất hoặc hoàn cảnh xảy ra thì hành vi đó có mục đích khủng bố dân cư hoặc ép buộc một Chính phủ hoặc một tổ chức quốc tế làm hoặc không làm một việc gì”. Trong khi đó, pháp luật của nhiều nước cũng quy định “nhằm mục đích chính trị” là dấu hiệu của hành vi khủng bố như tại khoản 1 Điều 205 BLHS Liên bang Nga quy định “Thực hiện hoặc đe dọa thực hiện vụ nổ, cháy hoặc các hành vi khác đe dọa người dân hoặc gây thiệt hại đáng kể về vật chất hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng khác nhằm mục đích tác động đến việc thông qua các quyết định của các cơ quan chính quyền hoặc các tổ chức quốc tế thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm”¹² ...vv.

Thực tiễn cũng cho thấy, các đối tượng thực hiện các hành vi khủng bố cũng thường hướng tới việc thực hiện yêu sách của chúng. Điển hình như các đối tượng khủng bố của tổ chức khủng bố Nhà nước Hồi giáo tự xưng IS tiến hành các hành vi như đánh bom liều chết, sát hại thường dân vô tội bằng các hình thức man rợ ...vv, nhằm chiếm giữ một phần lãnh thổ trải dài rộng lớn và thành lập nhà nước tự xưng là một “Vương quốc Hồi giáo”.

Từ những phân tích trên cho thấy, cần phải sửa đổi, quy định rõ mục đích của tội phạm quy định tại Điều 299 BLHS năm 2015 theo hướng “Thực hiện hành vi... dẫn tới tình trạng hoảng sợ trong công chúng hoặc gây thiệt hại đáng kể về vật chất hoặc gây ra thiệt hại nghiêm trọng khác nhằm mục đích tác động đến việc thông qua các quyết định của các cơ quan chính quyền hoặc các tổ chức quốc tế thì...”.

Hai là, loại bỏ việc sử dụng ngữ “người khác” trong nội dung điều luật

Tuy được sử dụng để chỉ rõ đối tượng tác động của tội khủng bố với mục đích “gây ra tình trạng hoảng sợ trong công chúng” và là cơ sở để phân biệt đối tượng tác động của tội phạm quy định tại Điều 299 với đối tượng tác

động quy định tại Điều 113 và một số tội phạm khác của BLHS nhưng thuật ngữ “người khác” chưa được quy định và giải thích tại bất kỳ văn bản pháp lý nào.

Nghiên cứu các quy định trong BLHS cho thấy, đối với một số tội phạm có những điểm tương đồng về hành vi phạm tội thực hiện (như đã đề cập ở trên) trong nội dung của Điều luật, không nhất thiết phải chỉ ra đối tượng tác động của tội phạm. Đồng tình với quan điểm lập pháp này, tác giả cho rằng để tránh những suy luận chủ quan, không cần thiết về đối tượng tác động của tội phạm quy định tại Điều 299 thì không cần quy định về đối tượng tác động (người khác) trong nội dung điều luật. Đồng thời, Điều 5 Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐTP đã quy định về việc truy cứu trách nhiệm hình sự trong một số trường hợp cụ thể. Theo đó, trường hợp đối tượng phạm tội thực hiện hành vi khủng bố mà xâm hại đến tính mạng của những người không phải là cán bộ, công chức với mục đích tác động đến việc thông qua các quyết định của các cơ quan chính quyền hoặc các tổ chức quốc tế thì sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 113. Trong trường hợp đối tượng phạm tội thực hiện hành vi khủng bố mà xâm hại đến tính mạng của người khác không hướng tới mục đích chống chính quyền nhân dân cũng như mục đích tác động đến việc thông qua các quyết định của các cơ quan chính quyền hoặc các tổ chức quốc tế thì tùy từng trường hợp cụ thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội phạm tương ứng.

Ba là, loại bỏ quy định về nhóm hành vi “thành lập, tham gia tổ chức tài trợ khủng bố” quy định tại điểm a khoản 2 Điều 299 BLHS năm 2015

“Thành lập, tham gia tổ chức tài trợ khủng bố” là nhóm hành vi nguy hiểm cần phải loại trừ ra khỏi đời sống xã hội nhưng nhóm hành vi này đã được quy định tại Điều 300 BLHS năm 2015. Bởi lẽ, hành vi tài trợ khủng bố có thể được thực hiện dưới danh nghĩa của cá nhân, nhóm người hoặc tổ chức tiến hành và nếu do tổ chức tiến hành thì phải có bước thành lập, tham gia vào tổ chức tài trợ khủng bố. Do đó, không cần thiết phải quy định về nhóm hành vi “thành lập, tham gia tổ chức tài trợ khủng bố” tại Điều 299 BLHS năm 2015.

Bốn là, chỉ rõ hành vi khủng bố điển hình để thông qua đó, hình thành nhóm hành vi CTTP cơ

¹² Уголовный кодекс Российской Федерации» от 13.06.1996 N 63-ФЗ (ред. от 24.02.2021, с изм. от 08.04.2021. (Bộ luật hình sự Liên bang Nga ngày 13/6/1996 số 63.FZ – sửa đổi ngày 24/02/2021, chỉnh sửa ngày 08/4/2021). Nguồn truy cập: http://www.consultant.ru/document/cons_doc_LAW_10699/.

bản và xây dựng nhóm hành vi cấu thành tình tiết tăng nặng hay giảm nhẹ quy định tại điều luật này

Thực tế vụ khủng bố kinh hoàng tại Mỹ ngày 11/9/2001, vụ đánh bom khủng bố tại Thái Lan ngày 18/08/2015, vụ đánh bom liên hoàn đẫm máu tại Sri Lanka ngày 21/04/2019, vụ đánh bom khủng bố tại Philippin ngày 24/08/2020, các vụ khủng bố do các đối tượng của tổ chức khủng bố IS thực hiện, cũng như các vụ khủng bố do các đối tượng của tổ chức khủng bố “Việt Tân”, “Chính phủ quốc gia Việt Nam lâm thời” và “Triều đại Việt” thực hiện tại nước ta thời gian qua chỉ ra rằng để đạt được mục đích của mình, các đối tượng khủng bố thường tiến hành các vụ nổ, cháy hoặc thực hiện các hành vi khác. Tham khảo kinh nghiệm lập pháp của một số quốc gia cho thấy, quy định về tội khủng bố của các quốc gia thường khái quát hóa các hành vi khủng bố điển hình để hình thành CTTP cơ bản của tội phạm. Điển hình như tại Điều 205 BLHS Liên bang Nga quy định “Thực hiện đe dọa thực hiện vụ cháy, nổ hoặc các hành vi khác dẫn tới tình trạng hoảng sợ trong công chúng hoặc gây thiệt hại đáng kể về vật chất hoặc gây ra thiệt hại nghiêm trọng khác nhằm mục đích tác động đến việc thông qua các quyết định của các cơ quan chính quyền hoặc các tổ chức quốc tế thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm”.

Trên cơ sở đó, tác giả cho rằng cần khái quát hóa hành vi khủng bố điển hình như cháy, nổ hoặc các hành vi khác để thông qua đó hình thành nhóm CTTP cơ bản, trên cơ sở đó xây dựng nhóm hành vi cấu thành tình tiết tăng nặng hay giảm nhẹ quy định tại điều luật này.

Năm là, cần tách nhóm hành vi quy định tại khoản 2 Điều 299 thành các điều luật tương ứng. Đồng thời, cần nghiên cứu “pháp điển hóa” một số hành vi khủng bố chưa được quy định tại Điều 299 như hành vi kêu gọi công khai thực hiện hành vi khủng bố, biện minh công khai hoặc tuyên truyền chủ nghĩa khủng bố, tổ chức và tham gia vào hoạt động của cộng đồng khủng bố, tổ chức và tham gia vào nhóm vũ trang bất hợp pháp... và quy định thuộc Mục 3 Chương XXI “Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng” BLHS năm 2015.

Tóm lại, tội khủng bố quy định tại Điều 299 BLHS năm 2015 là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đặc biệt lớn. Mặc dù đã có những bước tiến không ngừng, tuy nhiên trước yêu cầu của thực tiễn đấu tranh

phòng, chống khủng bố tại Việt Nam và xu thế hợp tác toàn cầu trong lĩnh vực này thì việc hoàn thiện quy định pháp lý đối với tội khủng bố cần phải tiếp tục xem xét kỹ lưỡng, tỉ mỉ./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Công ước quốc tế về chống bắt cóc con tin năm 1979.
2. Công ước quốc tế về trấn áp hành vi tài trợ cho khủng bố.
3. Đỗ Khắc Hường (2015), Luận án Tiến sĩ: “Các tội phạm về khủng bố trong luật hình sự Việt Nam”, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Chính phủ (2009), “Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự”, Đặc san tuyên truyền pháp luật, số 07, Hà Nội.
5. Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐTP ngày 25/10/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Về hướng dẫn áp dụng một số quy định tại điều 299 và điều 300 của Bộ luật hình sự”.
6. Phạm Thái Sơn (2020), Luận văn Thạc sĩ: “Các tội phạm về khủng bố trong Bộ luật hình sự Việt Nam năm 2015”, Khoa luật, Đại học quốc gia Hà Nội.
7. Дорофеев Никита Александрович (2019), Магистерская диссертация: Уголовная ответственность за террористический акт, Кафедра уголовного права и криминологии, Институт - Алтайский государственный университет, Барнаул, С 91, стр 13-18 (Dorofeev Nikita Alexsandovich (2019), *Luận văn Thạc sĩ, Trách nhiệm hình sự đối với hành vi khủng bố, Bộ môn Luật hình sự và Tội phạm học, Đại học Tổng hợp Quốc gia Altai, Thành phố Barnaul, tr. 13-18*).
8. Постановление Пленума Верховного Суда РФ от 09.02.2012 N 1 (ред. от 03.11.2016) «О некоторых вопросах судебной практики по уголовным делам о преступлениях террористической направленности» (Nghị quyết số 1 ngày 09/02/2012 của Hội đồng Tòa án tối cao Liên bang Nga – sửa đổi ngày 03/11/2016 Về một số vấn đề thực tiễn tư pháp trong các vụ án hình sự về các tội phạm khủng bố).
9. Правовая основа борьбы с экстремизмом и терроризмом (Cơ sở pháp lý nhằm chống chủ nghĩa cực đoan và khủng bố).
10. Уголовный кодекс Российской Федерации» от 13.06.1996 N 63-ФЗ (ред. от 24.02.2021, с изм. От 08.04.2021 (Bộ luật hình sự Liên bang Nga ngày 13/6/1996 số 63-FZ – sửa đổi ngày 24/02/2021, chỉnh sửa ngày 08/4/2021).
11. Федеральный закон «О противодействии терроризму» от 06.03.2006 N 35-ФЗ (Luật chống khủng bố ngày 06/3/2006 số 35-FZ của Liên bang Nga).